

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HS-PT
Ngày 11 tháng 7 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Thẩm phán:

Bà Triệu Thị Luyện

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Diễm Hạnh- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo Nông Thanh X, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh).

- Bị cáo có kháng cáo: Nông Thanh X, sinh năm 1965 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam. Nơi ĐKNKTT và thường trú: thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã Y, tỉnh Bắc Ninh). Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: nguyên Công chức Tài chính – kế toán UBND thị trấn A; Trình độ học vấn: Đại học; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đ (đã bị khai trừ ra khỏi đảng). Họ tên bố: Nông Đình T; Họ tên mẹ: Phạm Thị H; Bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 3; Vợ là Vũ Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác: trong vụ án còn có bị cáo khác là Nguyễn Văn Q, Vi Thị T1; bị hại là Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S (Nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Nguyễn Văn Q giữ chức vụ Chủ tịch UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh), từ ngày 01/3/2020 theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện S. Đến ngày 23/8/2024, Q bị kỷ luật bằng hình thức cách chức Chủ tịch UBND thị trấn A theo Quyết định số 2690a/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện S.

Nông Thanh X được điều động, đảm nhiệm chức danh công chức Tài chính - Kế toán thị trấn A từ ngày 01/3/2020 theo Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND huyện S. Ngày 18/3/2024, X được nghỉ hưu theo Quyết định số 756/QĐ-UBND của UBND huyện S. Trong thời gian công tác, X còn được phân công làm trưởng bộ phận tài chính - Kế toán thị trấn A theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 và Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Chủ tịch UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh).

Vi Thị T1 được điều động, đảm nhiệm chức danh công chức Tài chính - Kế toán thị trấn A từ ngày 01/3/2020 theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND huyện S. Từ ngày 17/4/2024 đến ngày 11/11/2024, T1 bị tạm đình chỉ công tác để phục vụ điều tra.

Nguyễn Văn H1 là công chức Tài chính - Kế toán thị trấn A từ ngày 10/7/2017 theo Quyết định số 4303/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của UBND huyện S, đến ngày 01/11/2020 thì được trưng tập đến nhận công tác tại Phòng tài chính - Kế hoạch huyện S theo Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện S.

Chợ T3 huyện S, tỉnh Bắc Giang có địa chỉ tại thị trấn A, huyện S (nay là xã S, tỉnh Bắc Ninh) được xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng kinh doanh; chợ có tổng diện tích đất 13.264m², trong đó diện tích trong tường rào chợ là 11.496m², diện tích bãi để xe là 1.768m². Chợ được xây dựng chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và một phần xã hội hóa do tiêu thương và doanh nghiệp đóng góp. Từ tháng 4/2010 đến tháng 4/2017 chợ được Ủy ban nhân dân huyện S giao cho Ban quản lý chợ trung tâm huyện T3 quản lý.

[2]. Thực hiện chủ trương chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý. Tại kết luận số 59/KL/HU ngày 05/4/2017 của Đảng bộ huyện S phiên họp mở rộng (kỳ họp thứ 13) đã giao cho Ủy ban nhân dân huyện S chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện việc giải thể Ban quản lý chợ trung tâm huyện, đồng thời giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn A tiếp nhận và quản lý chợ trung tâm huyện. Ngày 05/5/2017, Ban quản lý chợ trung tâm huyện T3 đã bàn giao chợ cho Ủy ban nhân dân thị trấn A quản lý. Sau khi tiếp nhận và quản lý chợ trung tâm huyện, UBND thị trấn A đã giao cho Hợp tác xã vệ sinh môi trường của thị trấn quản lý.

Ngày 31/8/2018, UBND thị trấn A, huyện S có Tờ trình số 56/TTr-UBND về việc đề nghị UBND huyện S chấp thuận cho Hợp tác xã P2 có địa chỉ số B, đường T, Trung tâm chăn nuôi, phường T, quận B, thành phố Hà Nội quản lý, kinh doanh,

khai thác chợ T3 thị trấn A. Ngày 05/11/2018, UBND huyện S có Công văn số 1359/UBND-KT chấp thuận cho Chủ tịch UBND thị trấn A tạm ký hợp đồng với Hợp tác xã P2 quản lý chợ T3 thị trấn A.

Ngày 23/9/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn A có tờ trình số 64/TTr-UBND về việc xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện S về việc khai thác chợ trung tâm. Tại Công văn số 1623/UBND-KT ngày 31/10/2019 của UBND huyện S nhất trí cho phép UBND thị trấn A tiếp tục ký hợp đồng với Hợp tác xã phú C có địa chỉ số B, đường T, Trung tâm chăn nuôi, phường T, quận B, thành phố Hà Nội quản lý, khai thác và kinh doanh chợ trung tâm cho đến khi thực hiện xong việc chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, với thời hạn mỗi lần ký không quá 06 tháng.

Ngày 26/12/2019, UBND thị trấn A ký hợp đồng giao khoán số 01/HĐ-QL với Hợp tác xã P2 về việc tổ chức, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trung tâm huyện S, mức giao khoán là 15.000.000 đồng/1 tháng, thời gian hợp đồng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020. Để phù hợp với yêu cầu thực tế và đóng góp thuế tại địa phương, những thành viên của Hợp tác xã P2 đã thành lập Hợp tác xã chợ A VCCU có địa chỉ TDP số A, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang và có Công văn số 26 ngày 09/9/2020 về việc thay đổi chủ thể ký hợp đồng quản lý, khai thác chợ trung tâm huyện. Trong thời gian từ ngày 01/7/2020 đến tháng 01/2024, UBND thị trấn A đã ký 08 hợp đồng giao khoán với Hợp tác xã chợ A VCCU, mức giao khoán là 15.000.000 đồng/1 tháng, thời gian mỗi hợp đồng là 06 tháng (Hợp đồng số 01/-HĐ-QLC ngày 09/9/2020, Hợp đồng số 01/-HĐ-QLC ngày 02/01/2021, Hợp đồng số 02/HĐ-QL ngày 30/6/2021, Hợp đồng số 01/HĐ-QL ngày 03/01/2022, Hợp đồng số 01/HĐ-QL ngày 01/01/2023, Hợp đồng số 02/HĐ-QL ngày 01/7/2023, Hợp đồng số 01/HĐ-QL ngày 02/01/2024). Đối với hợp đồng tháng 7/2022 (quá trình điều tra không thu giữ được). Các Hợp đồng đại diện bên A là ông Nguyễn Văn Q, Chủ tịch UBND thị trấn A, huyện S ký, đại diện bên B là hợp tác xã chợ A VCCU do ông Nguyễn Ngọc H2 là phó giám đốc hoặc Vũ Đình C1, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc ký. Theo điều khoản của 09 hợp đồng trên, hàng tháng Hợp tác xã P2, Hợp tác xã chợ A VCCU phải nộp cho UBND thị trấn A số tiền 15.000.000 đồng/1 tháng. Khoản tiền trên được nộp vào ngân sách Nhà nước qua tài khoản của UBND thị trấn A hoặc nộp tiền trực tiếp tại UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, thời gian ký hợp đồng là 06 tháng/1 lần. Theo quy định, toàn bộ số tiền thu được là tiền thu ngân sách Nhà nước phải được quản lý qua Kho bạc Nhà nước.

[3]. Để thực hiện hợp đồng giao khoán tổ chức quản lý, kinh doanh khai thác chợ trung tâm huyện S với Hợp tác xã P2, Hợp tác xã chợ A1, Nguyễn Văn Q đã giao cho bộ phận tài chính - kế toán thị trấn A trực tiếp thu tiền. Hợp tác xã P2, Hợp tác xã chợ A VCCU đều giao cho bà Nguyễn Thị Hà P là thủ quỹ của hợp tác xã trực tiếp mang tiền mặt đến UBND thị trấn A để nộp tiền cho bộ phận kế toán của UBND thị trấn A.

Trong thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến hết tháng 10 năm 2020 việc thu tiền được Ủy ban nhân dân thị trấn A và bộ phận kế toán giao cho Nguyễn Văn H1 thu tiền. H1 đã 06 lần thu tiền mặt của bà Nguyễn Thị Hà P, mỗi lần thu tiền H1 đều viết phiếu thu tiền gồm 02 liên, 01 liên phiếu thu H1 giữ còn 01 liên phiếu thu giao lại

cho bà P và ký ở mục “kế toán trưởng”, bà P ký ở mục người nộp gồm: Phiếu thu tiền số PT 00012, ngày 20/5/2020, bà P nộp cho ông H1 số tiền 30.000.000 đồng; Phiếu thu tiền số PT 00018, ngày 04/6/2020, bà P nộp cho ông H1 số tiền 20.000.000 đồng; Phiếu thu tiền số PT 0023, ngày 14/7/2020, bà P nộp cho ông H1 số tiền 20.000.000 đồng; Phiếu thu tiền số PT 0025, ngày 22/7/2020, bà P nộp cho ông H1 số tiền 20.000.000 đồng; Phiếu thu tiền số PT 0026, ngày 24/7/2020, bà P nộp cho ông H1 số tiền 20.000.000 đồng; Phiếu thu tiền số PT 0028, ngày 23/9/2020, bà P nộp cho ông H1 số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền H1 thu của bà P là 120.000.000 đồng, số tiền này ông H1 đã nộp đầy đủ vào ngân sách Nhà nước theo các Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0001551 ngày 20/7/2020; số 0001688 ngày 30/7/2020; số 0002306 ngày 19/10/2020.

[4]. Từ tháng 11 năm 2020, sau khi ông H1 chuyển công tác thì việc thu tiền của Hợp tác xã chợ A VCCU được UBND thị trấn A và bộ phận kế toán của UBND thị trấn A giao lại cho Vi Thị T1 thực hiện. Nguyễn Văn Q đã chỉ đạo, bàn bạc và thống nhất với Nông Thanh X (là trưởng bộ phận kế toán) và Vi Thị T1 là kế toán của UBND thị trấn A, huyện S là số tiền thu được của Hợp tác xã chợ A VCCU, không báo cáo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân thị trấn A, để ngoài sổ sách kế toán, một phần nộp vào ngân sách Nhà nước, một phần giữ lại để chi quà tết nguyên đán hàng năm cho cán bộ công chức, viên chức, các Tổ trưởng tổ dân phố, các bí thư chi bộ của các Tổ dân phố của thị trấn A và chi quà cho cấp trên.

Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 15/01/2024, Vi Thị T1 đã 14 lần thu tiền mặt của bà Nguyễn Thị Hà P, mỗi lần thu tiền T1 đều viết phiếu thu tiền gồm 02 liên, 01 liên phiếu thu T1 giữ còn 01 liên phiếu thu giao lại cho bà P và ký ở mục “kế toán trưởng”, bà P ký ở mục người nộp gồm:

Năm 2020, T1 thu gồm: Phiếu thu ngày 19/11/2020, bà P nộp cho T1 số tiền 30.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 31/12/2020, bà P nộp cho T1 số tiền 20.000.000 đồng. Do do dịch Covid-19 nên năm 2020, UBND thị trấn A miễn giảm cho Hợp tác xã chợ A VCCU số tiền 30.000.000 đồng.

Năm 2021, T1 thu gồm: Phiếu thu ngày 09/8/2021, bà P nộp cho T1 số tiền 30.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 10/11/2021, bà P nộp cho T1 số tiền 30.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 30/12/2021, bà P nộp cho T1 số tiền 30.000.000 đồng. Do do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên năm 2021, UBND thị trấn A miễn giảm cho Hợp tác xã chợ A VCCU số tiền 20.000.000 đồng.

Năm 2022, T1 thu gồm: Phiếu thu ngày 10/01/2022, bà P nộp cho T1 số tiền 50.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 07/7/2022, bà P nộp cho T1 số tiền 40.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 19/01/2022, bà P nộp cho T1 số tiền 25.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 26/12/2022, bà P nộp cho T1 số tiền 85.000.000 đồng. Do năm 2022, Hợp tác xã chợ A VCCU có tiến hành sửa chữa một số hạng mục của chợ nên UBND thị trấn A miễn giảm cho số tiền 30.000.000 đồng.

Năm 2023, T1 thu: Phiếu thu ngày 21/03/2023, bà P nộp cho T1 số tiền 45.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 06/9/2023, bà P nộp cho T1 số tiền 45.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 29/12/2023, bà P nộp cho T1 số tiền 60.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 29/12/2023, bà P nộp cho T1 số tiền 30.000.000 đồng.

Năm 2024, T1 thu: Phiếu thu ngày 15/01/2024, bà P nộp cho T1 số tiền 90.000.000 đồng. T1 đã thu của bà P tổng số tiền 610.000.000 đồng.

Sau mỗi lần thu được tiền, T1 đều báo cáo Nguyễn Văn Q là Chủ tịch UBND thị trấn A và Nông Thanh X là trưởng bộ phận tài chính - kế toán; sau đó Q chỉ đạo và bàn bạc, thống nhất với X và T1 nộp số tiền 220.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại 390.000.000 đồng giữ lại để chi quà tết hàng năm nên T1 đã nhờ Hoàng Văn K là cán bộ ủy nhiệm thu và Nguyễn Văn H3 là thủ quỹ của UBND thị trấn A nộp số tiền 220.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước cùng với tiền thu được từ tiền phí chứng thực của UBND thị trấn A, còn số tiền 390.000.000 đồng, T1 không nộp vào ngân sách mà giữ tiền mặt tại tủ ở phòng làm việc của mình tại UBND thị trấn A.

Khi đến gần tết nguyên đán các năm 2021, 2022, 2023, 2024, Nguyễn Văn Q tự mình đánh danh sách quà tết cho cán bộ cơ quan; Danh sách quà tết cho cán bộ tổ dân phố và danh sách quà tết cho cán bộ cấp trên trên máy tính ở phòng làm việc của mình rồi in ra đưa cho Nông Thanh X và Vi Thị T1 xem. Căn cứ vào danh sách do Q đưa cho, T1 sẽ đưa tiền cho Q để mang quà tết cho cấp trên (một số người Q trình bày khi đi gửi quà tết đi cùng ông Trần Quốc V là Bí thư đảng ủy thị trấn A, một số người Q nhờ Nông Thanh X gửi quà tết), còn đối với danh sách quà tết cho cán bộ cơ quan và tổ dân phố của UBND thị trấn A thì T1 sẽ đưa tiền và danh sách cho Nguyễn Văn H3 là thủ quỹ và Trần Văn T2 là cán bộ văn phòng của Ủy ban nhân dân thị trấn A, cụ thể như sau:

Tết nguyên đán năm 2021: Số tiền cấp phát quà tết là 50.000.000 đồng. (Đối với danh sách cấp phát quà tết của năm 2021, quá trình điều tra không thu giữ được).

Tết nguyên đán năm 2022: Số tiền cấp phát quà tết là 96.500.000 đồng, trong đó: Chi cho cán bộ UBND thị trấn A là 21.600.000 đồng; C2 cho cán bộ Tổ dân phố là 12.900.000 đồng; chi quà cho cấp trên là 62.000.000 đồng.

Tết nguyên đán năm 2023: Số tiền cấp phát quà tết là 111.554.000 đồng, trong đó: Chi cho cán bộ UBND thị trấn A là 29.000.000 đồng; C2 cho cán bộ Tổ dân phố là 12.500.000 đồng; chi quà cho cấp trên là 67.354.000 đồng.

Tết nguyên đán năm 2024: Số tiền cấp phát quà tết là 113.722.000 đồng, trong đó: Chi cho cán bộ UBND thị trấn A là 28.000.000 đồng; C2 cho cán bộ Tổ dân phố là 16.400.000 đồng; chi quà cho cấp trên là 69.322.000 đồng. Đối với danh sách chi quà tết các năm 2022, 2023, 2024, Nguyễn Văn Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tổng cộng số tiền chi quà tết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 là 371.776.000 đồng.

Đối với số tiền còn lại 18.224.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q khai tháng 05/2023, Hội đồng nhân dân huyện S tổ chức đi tham quan học hỏi kinh nghiệm tại đảo P, tỉnh Kiên Giang, Q là thành viên của đoàn nên đã bảo T1 đưa cho số tiền 12.224.000 đồng để đi tham quan học hỏi kinh nghiệm. Khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2023, Huyện ủy huyện S có tổ chức đoàn đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở một số tỉnh miền tây nam bộ. Trong đó có ông Trần Quốc V là Bí thư đảng ủy thị trấn A nên Q đã bảo T1 đưa cho Q số tiền 6.000.000 đồng, sau đó Q đưa cho ông V số tiền này để ông V đi tham quan học hỏi kinh nghiệm (Quá trình điều tra ông V không thừa nhận được nhận tiền của Q).

Ngày 10/4/2024, Nguyễn Văn Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 danh sách chi quà tết cho cán bộ các năm 2022, 2023, 2024; 03 danh sách quà tết cho cán bộ Tổ dân phố các năm 2022, 2023, 2024; 03 danh sách quà tết cấp trên các năm 2022, 2023, 2024.

Ngày 07/8/2024, bà Nguyễn Thị Hà P giao nộp cho Cơ quan điều tra 08 phiếu thu; Ngày 04/11/2024, ông Nguyễn Ngọc H2 là Phó giám đốc hợp tác xã P2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 phiếu thu đề ngày 17/7/2019, 08 Hợp đồng giao khoán.

[5]. Ngày 16/4/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã ra Lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn Q và Vi Thị T1. Quá trình bắt Nguyễn Văn Q đã thu giữ số tiền 9.590.000 đồng, 01 Điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu hồng. Thu giữ của Vi Thị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu trắng hồng, số tiền 3.690.000 đồng. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã ra Lệnh khám xét nơi làm việc và chỗ ở của Nguyễn Văn Q và Vi Thị T1.

Khám xét nơi làm việc của Nguyễn Văn Q đã thu giữ tại tủ trong phòng làm việc số tiền 93.085.000 đồng, tại bàn làm việc 01 cây máy tính màu đen, ký hiệu “CÉ SAR” cùng nhiều hồ sơ, giấy tờ tài liệu có liên quan. Khám xét nơi ở của Q không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến hành vi phạm tội của Q.

Khám xét nơi làm việc của Vi Thị T1 thu giữ 01 cây máy tính nhãn hiệu Sam Sung-Wincom. Net.VN; 01 Cây máy tính nhãn hiệu Hantkey màu đen; 02 dây nguồn máy tính; 01 dây kết nối VGA và nhiều sổ sách, giấy tờ liên quan. Khám xét nơi ở không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Tiến hành kiểm tra 02 chiếc máy tính thu giữ tại phòng làm việc của Vi Thị T1 phát hiện các tài liệu liên quan đến hợp đồng giao khoán chợ giữa UBND thị trấn A và Hợp tác xã A cùng các File excel lưu trữ kiểm kê biên lai phí, lệ phí giữa bộ phận kế toán và bộ phận một cửa. Kiểm tra chiếc máy tính thu giữ tại phòng làm việc của Nguyễn Văn Q1 phát hiện trong máy tính có lưu trữ danh sách chi quà tết cho cán bộ, danh sách quà tết cho cán bộ Tổ dân phố danh sách quà tết cấp trên các năm 2022, 2023, 2024.

Ngày 15/4/2024, Nguyễn Văn Q giao nộp số tiền 180.000.000 đồng; Vi Thị T1 nộp 100.000.000 đồng; ngày 25/01/2025, Nông T nộp 80.000.000 đồng để khắc phụ hậu quả.

[6]. Ngày 09/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 349/QĐ-ĐCSKT-MT trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh B giám định chữ viết, chữ ký trong 24 phiếu thu. Tại Kết luận giám định số 810/KL-KTHS ngày 11/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Q dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A12 đến A18) so với chữ ký của Nguyễn Văn Q trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Vi Thị T1 và chữ ký cùng dạng dưới mục “Kế toán trưởng” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A13, A15, A16, A19, A20, A21) so với chữ ký, chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M6 đến M10) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký (dạng in qua giấy than) mang tên Vi Thị T1 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A14); chữ ký, chữ viết (dạng in qua giấy than) mang tên Vi Thị T1 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A17, A18, A22, A23, A24) so với chữ ký, chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M6 đến M10) là của cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung “Vi Thị T1” dưới mục “Kế toán trưởng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A14) so với chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M6 đến M10) là không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung “P - Nguyễn T H”, “P - Nguyễn Thị Hà P”, “P - Ng Thị Hà P1” dưới mục “Người nộp” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A4, A5, từ A7 đến A13, A20) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hà P trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M11, M12) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết (dạng in qua giấy than) có nội dung “P - Ng Thị Hà P1”, “P1 - Nguyễn T H”, “P1 - Nguyễn Thị Hà P” dưới mục “Người nộp” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A14, A15, A16, A21, A22, A23) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hà P trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M11, M12) là của cùng một người.

Ngày 03/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S ra Quyết định trưng cầu giám định số 615/QĐ-ĐCSKT-MT trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên 15 phiếu thu màu trắng. Tại kết luận giám định số 2204/KL-KTHS ngày 16/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận, kết luận:

- Chữ viết (dạng in qua giấy than) trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, từ A16 đến A28 - trừ chữ viết dưới mục “Kế toán trưởng”, “Người nộp”) so với chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M3, M4) là của cùng một người.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2 đến A15- trừ chữ viết dưới mục “Kế toán trưởng”, “Người nộp”) so với chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M3, M4) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Vi Thị T1 dưới các mục “Kế toán trưởng”, “Người lập” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M3, M4) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Vi Thị T1 (dạng in qua giấy than) dưới mục “Kế toán trưởng” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A16) so với chữ ký, chữ viết của Vi Thị T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M3, M4) là của cùng một người.

- Chữ ký dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký của Nguyễn Văn Q trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “P - Nguyễn Thị Hà P” dưới mục “Người nộp” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hà P trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5, M6) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “P - Nguyễn Thị Hà P” (dạng in qua giấy than) dưới mục “Người nộp” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A16) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hà P trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5, M6) là của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A29, A30, A31 – trừ chữ viết có nội dung “Ngày 17/4/2024” và chữ ký, chữ viết mang tên Vi Thị T1) so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn T2 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M7, M8) là do cùng một người ký, viết ra.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 221- Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Thanh X, Vi Thị T1 về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 221- Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2024/HS-ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh) đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a, d khoản 2, 4 Điều 221; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 58 và 65- Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn Q 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2025.

2. Áp dụng điểm d khoản 2, 4 Điều 221; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 58 và 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nông Thanh X 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2025.

Xử phạt Vi Thị T1 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q, Vi Thị T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nông Thanh X cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2025, bị cáo Nông Thanh X có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh) xét xử giảm nhẹ hình phạt và giảm nhẹ trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị cáo Nông Thanh X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh).

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo đã được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333- Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nông Thanh X:

[2.1] Xét hành vi của các bị cáo thì thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định là đúng, không oan sai. Lời khai nhận tội của bị cáo với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 01/7/2020 đến tháng 01 năm 2024, UBND thị trấn A, huyện S (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh) đã ký 08 hợp đồng giao khoán với Hợp tác xã chợ A VCCU, mức giao khoán là 15.000.000 đồng/1 tháng, thời gian mỗi hợp đồng là 06 tháng (Hợp đồng số 01/-HĐ-QLC ngày 09/9/2020, Hợp đồng số 01/-HĐ-QLC ngày 02/01/2021, Hợp đồng số 02/HĐ-QL ngày 30/6/2021, Hợp đồng số 01/HĐ-QL ngày 03/01/2022, Hợp đồng tháng 7/2022, Hợp đồng số 01/HĐ-QL ngày 01/01/2023, Hợp đồng số 02/HĐ-QL ngày 01/7/2023, Hợp đồng số 01/HĐ-QL ngày 02/01/2024). Theo điều khoản của 08 hợp đồng trên, hàng tháng Hợp tác xã P2, Hợp tác xã chợ A VCCU phải nộp cho UBND thị trấn A số tiền 15.000.000 đồng/1 tháng. Theo quy định, toàn bộ số tiền thu được là tiền thu ngân sách Nhà nước phải được quản lý qua Kho bạc Nhà nước.

Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 15/01/2024, Vi Thị T1 là kế toán của Ủy ban nhân dân thị trấn A đã 14 lần thu tiền mặt của bà Nguyễn Thị Hà P là thủ quỹ của Hợp tác xã chợ A VCCU với tổng số tiền là 610.000.000 đồng. Sau mỗi lần thu được tiền, T1 đều báo cáo Nguyễn Văn Q là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S. Q đã chỉ đạo và bàn bạc thống nhất với Nông Thanh X là trưởng bộ phận kế toán của Ủy ban nhân dân thị trấn A, T1 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 220.000.000 đồng. Còn lại số tiền 390.000.000 đồng không báo cáo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân thị trấn A, để ngoài sổ sách kế toán để chi quà tết và sử dụng cho mục đích cá nhân. Trong đó, chi quà tết nguyên đán các năm 2021, 2022, 2023, 2024

là 371.776.000 đồng, chi cho mục đích cá nhân đi tham quan học hỏi kinh nghiệm là 18.224.000 đồng.

Do bị cáo X có nơi ở cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự; bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 221; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65- Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thanh X 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2025 là phù hợp.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: tổng số tiền các bị cáo phải nộp bồi thường là 390.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Q đã nộp 180.000.000 đồng và thu giữ số tiền trong quá trình điều tra 102.675.000 đồng để khắc phục hậu quả đối với phần trách nhiệm của mình. Quá trình điều tra, Vi Thị T1 đã giao nộp số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra còn thu giữ số tiền 3.690.000 đồng để khắc phục hậu quả đối với phần trách nhiệm của mình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nông Thanh X nộp số tiền 80.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Bị cáo Q là người chỉ đạo, cầm một số tiền để chi tiền tết, cá nhân đi tham quan học hỏi kinh nghiệm số tiền là 18.224.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn là 186.040.000 đồng; bị cáo X, T1 có vai trò thấp hơn nên chịu ít hơn, cụ thể bị cáo Xuân chịu 100.000.000 đồng, bị cáo T1 phải chịu 103.960.000 đồng (do bị cáo T1 nhất trí nộp toàn bộ số tiền đã nộp để khắc phục hậu quả; bị cáo Q, T1 đã nộp đủ). Toàn bộ số tiền 370.000.000 đồng các bị cáo đã giao nộp khắc phục hậu quả trả cho UBND thị trấn A (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh) quản lý theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ đi số tiền đã nộp thì bị cáo X còn phải nộp số tiền 20.000.000đ để khắc phục hậu quả, trả cho UBND thị trấn A (nay là UBND xã S, tỉnh Bắc Ninh).

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Nông Thanh X phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 80.000.000 đồng theo biên lai thu tiền thi hành án số 0004110 ngày 25/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, bị cáo X còn phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm: bị cáo X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Bị cáo kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường dân sự cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng bị cáo được miễn vì là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định tại Điều 12, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 12, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Thanh X; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS- ST ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh).

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 221; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65- Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nông Thanh X 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2025.

Giao bị cáo Nông Thanh X cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Bắc Ninh) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: cấm bị cáo Nông Thanh X làm công việc liên quan đến công tác tài chính- kế toán trong thời gian là 01 năm 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nông Thanh X phải trả trả cho UBND thị trấn A số tiền 100.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 80.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền thi hành án số 0004110 ngày 25/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo X còn phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nông Thanh X.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Luyện

Nguyễn Thị Hằng

Phạm Thị Chuyên